

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 – 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Hệ thống văn bản hướng dẫn, chỉ đạo

Luật Giáo dục 2019 và các văn bản dưới luật liên quan.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 01/8/2025 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở giáo dục phổ thông.

Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 15/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.

Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Quyết định 2836/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Công văn số 3118/SGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026.

2. Đặc điểm tình hình đơn vị

2.1. Quy mô trường, lớp, học sinh

- Quy mô: 30 lớp với 1227 học sinh (Khối 10:10 lớp, 440 học sinh; Khối 11: 10 lớp, 409 học sinh ; Khối 12: 10 lớp, 378 học sinh). Học sinh chủ yếu là người dân tộc (92,6%) đến từ các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Chi Lăng.

Khối	Số lớp	Số học sinh						Sĩ số TB học sinh/lớp
		Tổng số	Nam	Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ Dân tộc thiểu số	HSKT	
10	10	440	215	225	410	205	3	44,1
11	10	409	186	223	373	204	1	40,9
12	10	378	191	197	353	188	4	37,8
Toàn trường	30	1227	592	645	1136	597	8	40,9

- Số lớp, số học sinh học các tổ hợp môn lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn khối 10

Lớp/các lớp	Số học sinh	Các môn học lựa chọn (4 môn)	Các chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	Ghi chú
10A1, 10A2	83	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Hoá học	Nhóm 10.1
10A3	44	Hóa học, Địa lý, Sinh học, Tin học	Toán, Hoá học, Sinh học	Nhóm 10.2
10A4	44	Hóa học, Địa lý, Sinh học, Tin học	Hoá học, Sinh học, Tin học	Nhóm 10.3
10A5	45	Vật lý, Giáo dục KT&PL, Địa lý, Tin học	Toán, Vật lý, Tin học	Nhóm 10.4
10A6,7	90	Vật lý, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ công nghiệp	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	Nhóm 10.5
10A8	45	Hóa học, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ nông nghiệp	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	Nhóm 10.6
10A9	45	Hóa học, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ nông nghiệp	Ngữ văn, Giáo dục KT&PL, Địa lý	Nhóm 10.7
10A10	44	Vật lý, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ nông nghiệp	Ngữ văn, Giáo dục KT&PL, Địa lý	Nhóm 10.8
10	440			

- Số lớp, số học sinh học các tổ hợp môn lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn khối 11

Lớp/các lớp	Số học sinh	Các môn học lựa chọn (4 môn)	Các chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	Ghi chú
11A1	44	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học	Nhóm 11.1
11A2, 11A10	79	Vật lý, Địa lý, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Địa lý	Nhóm 11.2
11A3	38	Hoá học, Sinh học, Địa lý,	Toán, Địa lý,	Nhóm 11.3

		Tin học	Sinh học	
11A4	41	Vật lý, GDKT&PL, Địa lý, Tin học.	Ngữ Văn, Vật lý, Địa lý	Nhóm 11.4
11A5	41	Vật lý, Sinh học, GDKT&PL, Tin học	Ngữ Văn, Sinh học, Tin học	Nhóm 11.5
11A6, 11A7	82	Vật lý, Địa lý, GDKT&PL, CN Công nghiệp	Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý	Nhóm 11.6
11A8	44	Hoá học, Địa lý, GDKT&PL, CN Công nghiệp	Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý	Nhóm 11.7
11A9	40	Hoá học, Địa lý, GDKT&PL, CN Nông nghiệp	Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý	Nhóm 11.8
10	409			

- Số lớp, số học sinh học các tổ hợp môn lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn khối 12

Lớp/các lớp	Số học sinh	Các môn học lựa chọn (4 môn)	Các chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	Ghi chú
12A1,12A2	79	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học	Nhóm 12.1
12A3	36	Hóa học, Sinh học, Tin học, Địa lý	Toán, Địa lý, Sinh học	Nhóm 12.2
12A4	40	Vật lý, Tin học, Địa lý, GDKT&PL	Ngữ Văn, Vật lý, Địa lý	Nhóm 12.3
12A5	35	Vật lý, Sinh học, Tin học, GDKT&PL	Ngữ văn, Sinh học, Tin học	Nhóm 12.4
12A6,12A7	74	Vật lý, Địa lý, GDKT&PL, CN Công nghiệp	Văn, Lịch Sử, Địa lý	Nhóm 12.5
12A8	40	Hóa học, Địa lý, GDKT&PL, CN Công nghiệp	Văn, Lịch Sử, Địa lý	Nhóm 12.6
12A9,12A10	74	Hóa học, Địa lý, GDKT&PL, CN Nông nghiệp	Văn, Lịch Sử, Địa lý	Nhóm 12.7
10	378			

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

- Cán bộ quản lý: 03 (chuyên môn: Tiếng Anh, Lịch Sử, Địa lý)

Tổng số giáo viên: 64 người, cơ cấu theo bộ môn: Toán (9), Ngữ văn (10), Ngoại ngữ (Tiếng Anh) (7), Vật lý (5), Hóa học (4), Sinh học (5), Lịch sử (4), Địa lý (5), Giáo dục kinh tế pháp luật (3), Thể dục (5), Quốc phòng (2), Tin học (3), Công nghệ (2).

Số tổ chuyên môn: 4 tổ (Tổ Toán-Hoá-Sinh: 18 GV; Tổ Văn-Sử: 14 GV; Tổ Lý-Tin-CN-TD-QPAN: 17 GV; Tổ Anh-Địa-GDKTPL: 15 GV).

Đánh giá: Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy - học, đáp ứng đề dạy học buổi 2, song so với định mức còn thiếu 3 giáo viên, các môn còn thiếu như Lịch sử 01, Toán: 02.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị

- Số phòng học 30, tỉ lệ số phòng học/số lớp: 1/1
- Số phòng học bộ môn: số lượng cụ thể theo từng loại: số phòng học bộ môn 03 (01 phòng bộ môn Hóa, 01 phòng bộ môn Lý, 01 phòng bộ môn Sinh), 03 phòng tin học, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng thư viện.
- Số phòng tin học: 03; số máy tính (cho dạy học môn Tin học): 70, ngoài ra số máy chiếu 18, bảng thông minh 01, ti vi gắn với phòng học 12.
- Thiết bị dạy học: Số trang thiết bị dạy học cơ bản đủ theo yêu cầu, đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV và HS. Thiết bị, hoá chất phục giảng dạy được bảo quản, sắp xếp tại các phòng học bộ môn và phòng thiết bị dạy học đảm bảo an toàn và dễ lấy khi sử dụng trong việc dạy học cho chương trình hiện hành. Hiện nay đã được cung cấp thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 10.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (áp dụng cho toàn trường, dựa trên Công văn 4567/BGDĐT-GDPT)

Buổi 1: Tập trung chương trình chính theo GDPT 2018, không quá 5 tiết/ngày (45 phút/tiết).

Buổi 2: củng cố kiến thức, hoạt động giáo dục (STEM/STEAM, văn hóa nghệ thuật, kỹ năng sống), không quá 7 tiết/ngày, linh hoạt theo nhu cầu khảo sát. Tổng không quá 11 buổi/tuần (tương đương 35-40 tiết/tuần).

2. Xây dựng bảng phân bổ thời lượng tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục

2.1. Khối 10

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 10.1 (10A1,10A2)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ (T Anh)	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục	70	0	0	70	35	35	

thể chất							
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	27	25	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
Hoá học	70	35	0	105	52	53	
Sinh học	70	0	4	74	37	37	
Tin học	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.2 (10A3)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ (T Anh)	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	27	25	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Hoá học	70	35	0	105	52	53	
Sinh học	70	0	4	74	37	37	
Tin học	70	0	4	74	37	37	
Địa lý	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.3 (10A4)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	

Lịch sử	52	0	0	52	27	25	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Hoá học	70	35	0	105	52	53	
Sinh học	70	35	4	109	55	54	
Tin học	70	35	4	109	55	54	
Địa lý	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.4 (10A5)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	27	25	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
Tin học	70	35	4	109	55	54	
Địa lý	70	35	0	105	53	52	
GD KTPL	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.5 (10A6,10A7)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35		140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	45	42	

HĐTN,HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Vật lý	70	0	4	74	39	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT PL	70	0	0	70	35	35	
CN công nghiệp	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.6 (10A8)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	45	42	
HĐTN,HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT PL	70	0	0	70	35	35	
CN Nông nghiệp	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.7 (10A9)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	27	25	
HĐTN,HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung	35	0	0	35	18	17	

GD địa phương							
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKTPL	70	35	0	105	53	52	
CN công nghiệp	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 10.8 (10A10)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	27	25	
HĐTN,HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	18	17	
Vật lý	70	0	4	74	39	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	35	
GDKT PL	70	35	0	105	53	52	
CN Nông nghiệp	70	0	0	70	35	35	

2.2. Khối 11

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.1(11A1)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	

Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
Hoá học	70	35	0	105	52	53	
Sinh học	70	0	4	74	37	37	
Tin học	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.2 (11A2, 11A10)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQP AN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
Sinh học	70	0	4	74	37	37	
Tin học	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.3(11A3)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN,	105	0	0	105	55	50	

HN							
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Sinh học	70	35	4	109	55	54	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
Tin học	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.4 (11A4)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
Tin học	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.5 (11A5)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa	35	0	0	35	16	19	

phương							
Vật lý	70	0	4	74	38	36	
Sinh học	70	35	4	109	55	54	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
Tin học	70	35	4	109	55	54	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.6 (11A6,11A7)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	00	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	44	43	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	
Vật lý	70	0	4	74	38	36	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
CN Công nghiệp	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.7 (11A8)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	44	43	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	

Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
CN Công nghiệp	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 11.8 (11A9)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	4	109	54	55	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQP AN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	44	43	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	16	19	
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT &PL	70	0	0	70	35	35	
CN Nông nghiệp	70	0	0	70	35	35	

2.3. Khối 12

- Các lớp/nhóm lớp: nhóm 12.1 (12A1,12A2)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục	70	0	0	70	35	35	

thể chất							
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
Hoá học	70	35	0	105	52	53	
Sinh học	70	0	4	74	37	37	
Tin học	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: 12.2 (12A3)

Môn/hoạt động GD (cả bắt buộc và lựa chọn)	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	35	4	144	72	72	
Ngữ văn	105	0	0	105	52	53	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Sinh học	70	35	4	105	55	54	
Tin học	70	0	4	74	37	37	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	

- Các lớp/nhóm lớp: 12.3 (12A4)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	105	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	

GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Vật lý	70	35	0	105	53	52	
Tin học	70	0	4	74	37	37	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 12.4 (12A5)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	0	0	52	26	26	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Vật lý	70	0	4	74	39	35	
Sinh học	70	35	4	105	55	54	
Tin học	70	35	4	105	55	54	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	

- Các lớp/nhóm lớp: 12.5 (12A6,12A7)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	

GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	44	43	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	5	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Vật lý	70	0	4	74	39	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
CN Công nghiệp	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: 12.6 (12A8)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	44	43	
HĐTN, HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
CN Công nghiệp	70	0	4	74	37	37	

- Các lớp/nhóm lớp: 12.7 (12A9,12A10)

Môn/hoạt động GD	Số tiết theo quy định (TT 32)	Số tiết cho chuyên đề học tập	Số tiết bổ sung để thực hiện CT (VD ôn tập, chữa bài, STEM, gắn với buổi 2)	Tổng	Chia ra (tổng)		Ghi chú
					Học kì I	Học kì II	
Toán	105	0	4	109	54	55	
Ngữ văn	105	35	0	140	70	70	
Ngoại ngữ	105	0	0	105	52	53	
Giáo dục thể chất	70	0	0	70	35	35	
GDQPAN	35	0	0	35	17	18	
Lịch sử	52	35	0	87	44	43	

HĐTN,HN	105	0	0	105	55	50	
Nội dung GD địa phương	35	0	0	35	19	16	
Hoá học	70	0	0	70	35	35	
Địa lý	70	35	0	105	55	50	
GDKT&PL	70	0	0	70	35	35	
CN Nông nghiệp	70	0	4	74	38	36	

3. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; phụ đạo, bổ trợ kiến thức cho học sinh chưa đạt chuẩn

3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi

- Khối 12

Môn	Số HS ôn	Dự kiến số tiết ôn	Khoảng thời gian ôn	Cách thức bố trí lớp ôn	Ghi chú
Toán	15	44	8/2025 - 01/2026	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Ngữ văn	15	44	8/2025-01/2026	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
T Anh	12	44	8/2025 - 01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Vật lý	8	44	8/2025-01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Hoá học	7	44	8/2025 - 01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Sinh học	7	44	8/2025-01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Lịch sử	20	44	8/2025 - 01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Địa lý	10	44	8/2025-01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Tin học	6	40	9/2025-01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
GDKT&PL	6	40	9/2025-01/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	

- Khối 11

Môn	Số HS ôn	Dự kiến số tiết ôn	Khoảng thời gian ôn	Cách thức bố trí lớp ôn	Ghi chú
Toán	18	52	9/2025- 3/2026	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Ngữ văn	15	52	9/2025-3/2026	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
T Anh	12	52	9/2025- 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Vật lý	8	52	9/2026 - 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Hoá học	7	52	9/2025- 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Sinh học	7	52	9/2025- 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Lịch sử	20	52	12/2025-3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Địa lý	20	52	9/2025 - 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Tin học	6	52	9/2025 - 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
GDKT&PL	8	52	9/2025 - 3/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	

- Khối 10

Môn	Số HS ôn	Dự kiến số tiết ôn	Khoảng thời gian ôn	Cách thức bố trí lớp ôn	Ghi chú
Toán	19	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Ngữ văn	15	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
T Anh	10	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	

Vật lý	9	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Hoá học	6	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Sinh học	6	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Lịch sử	15	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Địa lý	20	10	3/2026- 4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
Tin học	8	10	3/2026-4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	
GDKT&PL	8	10	3/2026-4/2026	Các buổi chiều, 01 buổi/tuần, 02 tiết/buổi	

3.2. Phụ đạo, hỗ trợ học sinh chưa đạt chuẩn

- Khối 12

Môn	Số HS (nhóm chưa đạt chuẩn)	Dự kiến số tiết phụ đạo, hỗ trợ	Khoảng thời gian thực hiện	Cách thức bố trí lớp ôn	Ghi chú
Toán	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Ngữ văn	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
T Anh	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Vật lý	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần,	

			20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	2 tiết/buổi	
Hoá học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Sinh học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Lịch sử	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Địa lý	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Tin học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
GD KT PL	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
CNCN	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
CNNN	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	

- Khối 11

Môn	Số HS (nhóm chưa đạt chuẩn)	Dự kiến số tiết phụ đạo, bổ trợ	Khoảng thời gian thực hiện	Cách thức bố trí lớp ôn	Ghi chú
Toán	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Ngữ văn	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
T Anh	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Vật lý	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Hoá học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Sinh học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Lịch sử	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Địa lý	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	

			31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)		
Tin học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
GD KT PL	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
CNCN	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
CNNN	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	

- Khối 10

Môn	Số HS (nhóm chưa đạt chuẩn)	Dự kiến số tiết phụ đạo, bổ trợ	Khoảng thời gian thực hiện	Cách thức bố trí lớp ôn	Ghi chú
Toán	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Ngữ văn	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
T Anh	1	8	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	

			đến 31/5/2026)		
Vật lý	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Hoá học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Sinh học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Lịch sử	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Địa lý	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
Tin học	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
GD KT PL	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
CNCN	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến 31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	
CNNN	1	4	Sau khi có kết quả kiểm tra cuối HK I (Tuần 20,21/1/2026 từ 19/1 đến	Các buổi chiều, 1 buổi/tuần, 2 tiết/buổi	

			31/1/2026), cuối HK II (Tuần 37,38/5/2026 từ 18/5 đến 31/5/2026)		
--	--	--	--	--	--

4. Các hoạt động giáo dục khác (giáo dục kỹ năng sống, trải nghiệm, ngoại khóa, hướng nghiệp ...)

STT	Môn/ phụ trách	Tên hoạt động	Thành phần (những khối lớp, nhóm lớp nào)	Dự kiến thời gian tổ chức	Thời lượng tổ chức (buổi, tiết)	Dự kiến Địa điểm	Nội dung chủ yếu của hoạt động	Ghi chú
1	Đoàn trường, môn GDKTPL	Sinh hoạt tập thể đầu năm	Toàn trường	Tuần 4/tháng 8/2025 Sáng	1 buổi (3 tiết)	Sân trường	Tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, giới thiệu các CLB, mô hình giáo dục	
2	BGH được phân công phụ trách, Đoàn trường, GVCN, Đại biểu khách mời	Ngoại khoá An toàn giao thông, luật An ninh mạng, phòng chống ma túy, mại dâm	Toàn trường	Tuần 1/tháng 9/2025 Sáng	1 buổi (3 tiết)	Sân trường	Tuyên truyền, tổ chức thi tìm hiểu pháp luật	Mời Trạm cảnh sát GT Tùng Diễn, Công an Xã Chi Lăng
3	BGH, Ban VN, Đoàn trường, GVCN	Lễ khai giảng năm học 2025- 2026	Toàn trường	Buổi sáng 5/9/2025	1 buổi	Sân trường, nhà đa năng, lớp học	Phần chung: văn nghệ, trao thưởng; Phần KN 80 năm TL Bộ GDĐT (K10,11 tại lớp, khối 12 tại nhà đa năng)	
4	BGH được phân công phụ trách, Đoàn trường, GVCN	Diễn đàn xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường.	Toàn trường	Buổi chiều 15/9/2025	3 tiết	Sân trường	Tuyên truyền, phòng chống bạo lực học đường, trao đổi, thảo luận chủ đề xây dựng tình bạn đẹp	
5	BGH được phân công phụ trách, nhân viên	Tổ chức khám sức khỏe cho HS đầu năm	Toàn trường	Tuần 2/tháng 9/2025	Các buổi chiều	Phòng Y tế	Khám sức khỏe, ghi sổ chăm sóc sức khỏe	

	Y tế, GVCN							
6	Đoàn trường	Đại hội Đoàn trường	Đại biểu	Buổi chiều 20/9/2025	1 buổi	Phòng HĐ	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn năm học 2024-2025, phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026; bầu BCH Đoàn nhiệm kỳ, 2025-2026, hiệp thương thành lập Hội LHTN...	
7	Các môn	Hội thảo HS với kỹ năng số, HĐ của “Đại sứ số”	Đại diện lớp; GV, CLB/ nhóm Đại sứ Số	22/9/2025 Chiều	1 buổi	Nhà đa năng	Trao đổi thảo luận về kỹ năng UDCN TT trong học tập, vai trò, công việc của “Đại sứ số”	
8	BGH được phân công phụ trách, Ban VN,GVCN	Thi văn nghệ (chào mừng KN 60 năm)	Các lớp	Tháng 10/2025 (chung kết/tuần 1/tháng 11)	4 buổi chiều (3 buổi sơ loại, 1 buổi chung kết)	Sân trường	Xây dựng kế hoạch, phát động và tổ chức các lớp luyện tập, tham gia vòng sơ loại, chọn tham gia vòng chung kết.	
9	Liên môn: Toán,Lý, Hoá,Sinh, Tin, CNCN.C NNN	Hội thảo STEM/STEAM TEAM	GV,HS môn/ CLB/ STEM/ STEAM	13/10/ 2025 Chiều	1 buổi	Sân trường	Trao đổi thảo luận về việc tổ chức các hoạt động, CLB STEM/STEAM	
10	BGH được phân công phụ trách, Ban VN, Đoàn trường	KN 20/10	Toàn trường	Thứ 2 (20/10/ 2025) Chiều	2 tiết	Sân trường	Văn nghệ chào mừng. Tuyên truyền	
11	Địa Lí	-Tìm hiểu biến đổi khí hậu tại sông Thương (k10) -Tìm hiểu du lịch sinh thái, tâm linh (11) -Tìm hiểu 1 số làng nghề truyền	Khối 10,11,12	- K10- tuần 4/tháng 10/2025 - K11- tuần 2/1/2026 - K12- tuần 3/1/2026 Chiều	chiều 3 tiết	Xã Chi Lăng	-Tình trạng ô nhiễm môi trường -Tài nguyên du lịch tại địa phương -Một số nghề truyền thống	

		thống (12)						
12	Lịch sử	Thực hành tìm hiểu các di tích Lịch sử văn hoá	K10, 12	-K 12: Tuần 5/tháng 10/2025 (27-31/10) -K 10: Tuần 2 tháng 2/2026 Chiều	Chiều 3 tiết	Ải Chi Lăng, các Đền trên địa bàn xã Chi Lăng	Tìm hiểu Lịch sử văn hoá truyền thống của dân tộc	
13	BGH được phân công phụ trách, GV môn GDKTPL, GVCN	Nk ngày pháp luật	Toàn trường	Tuần 1/tháng 11/2025 Chiều	2 tiết, 7/11/2025 5	Sân trường	Tuyên truyền, thi tìm hiểu về pháp luật	
14	Theo các QĐ	KN thành lập trường Tháng 11	Toàn trường	Buổi chiều 14/11/2025 Buổi chiều 15/11/2025 Buổi sáng: 16/11/2025	3 buổi	Sân trường	-Tổng duyệt CT - Giao lưu VN - CT Lễ KN	
15	T.Anh	Ngày hội tiếng Anh cấp trường	K 10,11	Tuần 4 tháng 11/2025 Chiều	02 tiết	Sân khấu	Thi chào hỏi, tài năng, hùng biện	
16	T.Anh	Giao lưu kết nối xuyên biên giới	Thành viên CLB T.Anh	- Hk1: tuần 4 tháng 11/2025 - Hk2: tuần 4 tháng 1/2026 Chiều	01 tiết/HK	Phòng học NN	Giao lưu văn hoá	
17	Văn-Sử	KN 22/12	Toàn trường	Chiều 21/12/2025	2 tiết	Sân trường	Văn nghệ, tuyên truyền	
18	BGH được phân công phụ trách, Đoàn trường, GVCN, Y tế	Ngoại khoá giáo dục Sức khoẻ sinh sản vị thành niên	Toàn trường	Tuần 4/tháng 12/2025 Chiều	1 buổi	Sân trường	Tuyên truyền, sân khấu hoá	
19	Công ty VSH, BGH	Ngoại khoá GD kỹ năng	Toàn trường	Tuần 1 tháng 1/2026	1 buổi	Sân trường	Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức, kỹ	Mời chuyên gia Công ty

	được phân công phụ trách, Đoàn trường.	mềm, kỹ năng sống thiết yếu trong TK XXI...		Chiều			năng, trao đổi, thảo luận	VSH
20	GDQP AN	Hội thao GDQPA N cấp trường	K10,11, 12	Tuần 3 tháng 1/2026 Chiều	1 buổi	Sân trường, sân vận động	Thi giữa đội tuyển các lớp	Mời CB Ban CHQS KV
21	Thẻ dực	Giải điền kinh cấp trường	K10,11, 12	Tuần 4 tháng 1/2026 Chiều	1 buổi	Sân trường, sân vận động	Thi đấu giữa các lớp	
22	BGH được phân công phụ trách, Đội PCCC, Đoàn trường	NK PCCC, phòng chống cháy nổ, phòng chống pháo, các hành vi vi phạm về pháo, phòng chống TNXH ...	Toàn trường	Tuần 1/tháng 2/2026 Chiều	1 buổi	Sân trường	Tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng sử dụng bình cứu hoả, phòng chống cháy nổ, tệ nạn xã hội	Mời CB đội PCCC khu vực, công an xã Chi Lăng
23	BGH được phân công phụ trách, môn TD, GDPQA N, Đoàn trường	Tổ chức vui chơi đầu xuân	Toàn trường	Tuần 3/tháng 2/2025 Chiều	2 tiết (buổi học đầu tiên đi học sau nghỉ tết)	Sân trường	Tổ chức chui các trò chơi dân gian	
24	BGH được phân công phụ trách, GVCN, Đoàn trường	Ngày hội khởi nghiệp, hướng nghiệp cấp trường	Toàn trường	Tuần 4 tháng 2/2026 Chiều	1 buổi	Sân trường	Trưng bày sản phẩm, dự án khởi nghiệp	mời chuyên gia tư vấn hướng nghiệp (một số trường ĐH)
25	Lịch sử, Vật lý, Sinh GVCN	GD TNHN ngoài nhà	Theo khối	+ K 12: Tuần 2/tháng 3	2 buổi (1 ngày) 8 tiết	K12: DK Văn miếu QTG, Bảo tàng QĐ K 11: Dk Đền thờ	HS được trải nghiệm thực tế, gắn với tìm hiểu về di tích lịch sử	P/h với công ty Du lịch

		trường (ngoài tỉnh)		+ K 11,10 Tuần 4/tháng 3 Chiều		Chu Văn An, Công viên rừng QN K 10: DK Bạch Đằng Giang, Công viên rừng QN	(thấp hương, giáo dục truyền thống, tìm hiểu cảnh quan thiên nhiên).	
26	BGH được phân công phụ trách, Ban VN, Đoàn trường	KN 8/3	Toàn trường	Thứ 7 (7/3/2026) Chiều	1 buổi	Sân trường	Tuyên truyền, Thi cắm hoa	
27	T.Anh	Xây dựng, phát triển môi trường học và sử dụng tiếng Anh	K 10,11	Tuần 2 tháng 3/2026 Chiều	02 tiết	Sân khấu	Triển lãm ảnh theo chủ đề	
28	BGH được phân công phụ trách, Môn TD- QPAN, Đoàn trường	Giải bóng đá nam cấp trường	Đội bóng các lớp	Tháng 3/2026 (chung kết tuần 3/tháng 3)	Các buổi chiều	Sân bóng	Xây dựng kế hoạch, phát động và Tổ chức giải bóng đá nam theo lớp, tổ chức trận chung kết.	
29	BGH được phân công phụ trách, Đoàn trường	KN 26/3	Toàn trường	Thứ 5 (26/3/2026) Sáng	1 buổi	Sân trường	Mít tinh kỷ niệm, văn nghệ chào mừng, kết nạp đoàn viên	
30	Ngữ văn, Thư viện	Ngày hội Văn hoá đọc	Toàn trường	Tuần 1 tháng 4/2026 Chiều	1 buổi	Sân trường	Tuyên truyền về sách, thư viện, thi giới thiệu sách, trưng bày sách	
31	BGH được phân công phụ trách, Đoàn trường, GVCN, Y tế	Ngoại khoá phòng chống tai nạn đuối nước	Toàn trường	Tuần 1/ tháng 4/2026 Chiều	1 buổi	Sân trường	Tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng chống tai nạn, đuối nước.	
32	BGH được phân công	Tổ chức ngày hội Stem	Toàn trường	Tuần 2 tháng 4/2026	1 buổi	Sân trường	Thi điều khiển rô bốt, triển lãm sản phẩm sáng tạo	mời Sở GD/ chuyên gia/GV

	phụ trách, GV môn dạy Stem	cấp trường		Chiều			Stem, thực hành trải nghiệm thí nghiệm khoa học...	có KN
33	CNCN	GD HN	Lớp 12A8+ lớp 12	Tuần 2/Tháng 4	2 buổi (1 ngày) 8 tiết	CĐ Lý Thái Tổ	Tham quan nhà trường, trải nghiệm thực hành học nghề cơ khí, gò, hàn...	PH với LĐ trường CĐ Lý Thái Tổ
34	CNNN	GDHN	2 lớp (12A9,1 2A10)+ Lớp 12	Tuần 3/Tháng 4	2 buổi (1 ngày) 8 tiết	Trường ĐH Nông lâm Bắc Giang	Tham quan nhà trường, trải nghiệm thực hành học lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi	PH với LĐ trường ĐH NLBG
35	Hóa học	Thăm quan học tập tại Nhà máy nước sinh hoạt	Khối 10	Tuần 4 tháng 4/2026 Chiều	02 tiết	Pha Đặng Đồng Mỏ	Nắm được quy trình xử lý nước sinh hoạt	
36	Ngữ văn	Học tập Trải nghiệm tại ải Chi Lăng	Khối 10	Tuần 1 tháng 5/2026 Chiều	3 tiết	Ải Chi Lăng	Tìm hiểu về tác phẩm của Nguyễn Trường Thanh “Kỳ tích Chi Lăng”	

5. Các mốc thời gian kiểm tra đánh giá và hoàn thành chương trình

- Khối 12

STT	Nội dung	Thời điểm	Ghi chú
1	Bắt đầu tổ chức dạy học	Ngày 08/9/2025	
2	Kiểm tra giữa học kì I	Khoảng từ tuần 9 (từ ngày 03/11/2025 đến 09/11/2025)	
3	Kiểm tra cuối học kì I		
	+ Các môn theo đề chung của Sở	Tuần 17 (từ ngày 29/12/2025 đến 04/01/2026)	
	+ Các môn theo đề của trường	Tuần 17 (từ ngày 29/12/2025 đến 04/01/2026)	
4	Hoàn thành chương trình học kì I (kết thúc kì I)	Tuần 18 (từ ngày 05/01/2026 Đến 11/01/2026)	
5	Kiểm tra giữa học kì II	Khoảng tuần 27 (từ ngày 09/3/2026 đến 15/3/2026)	
6	Kiểm tra cuối học kì II		
	+ Các môn theo đề chung của Sở	Tuần 36 (từ ngày 11/5/2026 đến 17/5/2026)	

	+ Các môn theo đề của trường	Tuần 36 (từ ngày 11/5/2026 đến 17/5/2026)	
7	Hoàn thành chương trình năm học (kết thúc chương trình chính khóa)		
	+ Các môn không thi tốt nghiệp	Tuần 37 (từ ngày 18/5/2026 đến 24/5/2026)	
	+ Các môn có thi tốt nghiệp	Tuần 37 (từ ngày 18/5/2026 đến 24/5/2026)	
8	Hoàn thành ôn tập thi tốt nghiệp cho học sinh lớp 12	Tuần 39 (từ ngày 01/6/2026 đến 06/6/2026)	
9	Thi thử TN		
	Thi thử TN lần 1	Theo lịch của Sở	
	Thi thử TN lần 2	Theo lịch của Sở	

- Khối 11

STT	Nội dung	Thời điểm	Ghi chú
1	Bắt đầu tổ chức dạy học	Ngày 08/9/2025	
2	Kiểm tra giữa học kì I	Khoảng từ tuần 9 (từ ngày 03/11/2025 đến 09/11/2025)	
3	Kiểm tra cuối học kì I	Tuần 17 (từ ngày 29/12/2025 đến 04/01/2026)	
4	Hoàn thành chương trình học kì I (kết thúc học kì I)	Tuần 18 (từ ngày 05/01/2026 đến 11/01/2026)	
5	Kiểm tra giữa học kì II	Khoảng tuần 27 (từ ngày 09/3/2026 đến 15/3/2026)	
6	Kiểm tra cuối học kì II	Tuần 36 (từ ngày 11/5/2026 đến 17/5/2026)	
7	Hoàn thành chương trình năm học (Kết thúc năm học)	Tuần 37 (từ ngày 18/5/2026 đến 24/5/2026)	

- Khối 10

STT	Nội dung	Thời điểm	Ghi chú
1	Bắt đầu tổ chức dạy học	Ngày 08/9/2025	
2	Kiểm tra giữa học kì I	Khoảng từ tuần 9 (từ ngày 03/11/2025 đến 09/11/2025)	
3	Kiểm tra cuối học kì I	Tuần 17 (từ ngày 29/12/2025 đến 04/01/2026)	
4	Hoàn thành chương trình học kì I (kết thúc kì I)	Tuần 18 (từ ngày 05/01/2026 đến 11/01/2026)	
5	Kiểm tra giữa học kì II	Khoảng tuần 27 (từ ngày 09/3/2026 đến 15/3/2026)	
6	Kiểm tra cuối học kì II	Tuần 36 (từ ngày 11/5/2026 đến 17/5/2026)	
7	Hoàn thành chương trình năm học (kết thúc năm học)	Tuần 37 (từ ngày 18/5/2026 đến 24/5/2026)	

6. Các mốc thời gian ôn, thi học sinh giỏi cấp trường, cấp tỉnh

Khối lớp	Số tiết	Thời gian ôn	Thi cấp trường	Thi cấp tỉnh	Ghi chú
12	44	22 tuần 04/8/2025 đến 11/01/2026	Tuần 4 tháng 10/2025	14/01/2026	
11	52	26 tuần 08/9 đến 17/3/2026	Tuần 2 tháng 2/2026	19/3/2026	
10	10	5 tuần 23/3/2026 đến 25/4/2026	Chiều 28/4/2026		

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Đối với Ban giám hiệu

- Ban giám hiệu hợp thống nhất về dự kiến xây dựng khung chương trình cơ bản và các hoạt động giáo dục của từng bộ môn để có sự cân đối, sắp xếp tiết học cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Chỉ đạo tổ /nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học hoàn thành trước ngày 30/8/2025, kế hoạch giáo dục môn học được Chủ tịch Hội đồng trường phê duyệt. Phân công bố trí giáo viên hợp lý, tránh 1 giáo viên kiêm nhiệm quá nhiều công việc, tránh việc thừa thiếu giờ cục bộ ở các bộ môn. Việc phân công công việc hoàn thành trước 30/8/2025.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí trong Ban giám hiệu phụ trách bộ môn:

+ Đồng chí Hoàng Mạnh Hùng phụ trách Tổ Toán-Hoá-Sinh; Tổ Văn phòng.

+ Đồng chí Phùng Thị Chung phụ trách tổ Văn-Sử.

+ Đồng chí Bế Thị Đoan Trang phụ trách tổ Anh-Địa-GDKTPL; Lý- Tin -KTCN-TD-QPAN.

- Chỉ đạo xây dựng thời khóa biểu, bảng phân bổ số tiết theo các tuần (xây dựng bảng phân bổ số tiết tổng thể theo tuần). Việc xếp thời khóa biểu buổi 1 (buổi sáng) và buổi 2 (buổi chiều) luôn có sự linh hoạt luân phiên thay đổi theo tuần phù hợp để kịp tiến độ và kế hoạch đề ra. Những hoạt động tổ chức vào ngày chính trong tuần nhà trường sẽ xếp lịch học bù phù hợp.

- Đối với các hoạt động giáo dục (trải nghiệm, ngoại khóa, hoạt động tập thể...) nhà trường cân đối, sắp xếp hợp lý theo khung thời gian cụ thể để tránh chồng chéo, đảm bảo tính thiết thực, khả thi.

- Kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện kế hoạch, tổ chức cập nhật, điều chỉnh kế hoạch theo hàng tháng hoặc đột xuất khi có các văn bản điều chỉnh, tuy nhiên cần đảm bảo chương trình giảng dạy và các hoạt động giáo dục đúng theo tiến độ trong kế hoạch.

2. Đối với các tổ, nhóm chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn: đảm bảo theo khung chương trình giáo dục theo quy định về nội dung chương trình, về thời gian năm học. Thời gian hoàn thành kế hoạch giáo dục bộ môn trước 25/8/2025. Hiệu trưởng phê duyệt chậm nhất 30/8/2025.

- Triển khai tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo kế hoạch.

- Chủ động theo dõi đối chiếu giữa tiến độ thực hiện với kế hoạch, đề xuất nội dung cập nhật, điều chỉnh phù hợp trình Ban giám hiệu phê duyệt. Tự theo dõi tiến độ thực hiện theo hàng tuần, việc cập nhật, điều chỉnh được thực hiện kịp thời, Tổ trưởng chuyên môn báo cáo trình phê duyệt nội dung điều chỉnh ngay khi thực hiện điều chỉnh.

- Phân công công việc rõ ràng và có gắn trách nhiệm cho từng cá nhân phụ trách các hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các thành viên. Nhắc nhở đối với thành viên thực hiện không đúng tiến độ, thực hiện chưa tốt công việc được giao.

- Tăng cường dự giờ thăm lớp đối với giáo viên (dự giờ có báo trước và dự giờ đột xuất) 1 lần/giáo viên/ kỳ

- Tổ chức trao đổi chuyên môn trong tổ để giáo viên nắm được kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra dựa trên ma trận đề, đáp ứng các yêu cầu của Chuẩn kiến thức, kỹ năng và biết sử dụng các phần mềm đảo đề trắc nghiệm để lập ngân hàng câu hỏi kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ.

3. Đối với giáo viên bộ môn

- Nhiệt tình tham gia đầy đủ các hoạt động của tổ, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được phân công.

- Tham mưu cho tổ những cách tổ chức các hoạt động có hiệu quả.

- Nâng cao tinh thần tự bồi dưỡng thường xuyên, phát huy tinh thần trách nhiệm trong phong trào Giáo viên giúp đỡ đồng nghiệp phát triển.

- Giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn phương pháp tự học cho học sinh đảm bảo học sinh có tiến bộ và tham gia hội thảo cấp lớp, khối và trường khi được phân công.

4. Đối với giáo viên chủ nhiệm lớp

- Tuyên truyền về khung chương trình phát triển bộ môn theo các nhóm lớp

- Kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện kế hoạch, tổ chức cập nhật, điều chỉnh kế hoạch theo hàng tháng hoặc đột xuất khi có các văn bản điều chỉnh, tuy nhiên cần đảm bảo chương trình giảng dạy và các hoạt động giáo dục đúng theo tiến độ trong kế hoạch.

2. Đối với các tổ, nhóm chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn: đảm bảo theo khung chương trình giáo dục theo quy định về nội dung chương trình, về thời gian năm học. Thời gian hoàn thành kế hoạch giáo dục bộ môn trước 25/8/2025. Hiệu trưởng phê duyệt chậm nhất 30/8/2025.

- Triển khai tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo kế hoạch.

- Chủ động theo dõi đối chiếu giữa tiến độ thực hiện với kế hoạch, đề xuất nội dung cập nhật, điều chỉnh phù hợp trình Ban giám hiệu phê duyệt. Tự theo dõi tiến độ thực hiện theo hàng tuần, việc cập nhật, điều chỉnh được thực hiện kịp thời, Tổ trưởng chuyên môn báo cáo trình phê duyệt nội dung điều chỉnh ngay khi thực hiện điều chỉnh.

- Phân công công việc rõ ràng và có gắn trách nhiệm cho từng cá nhân phụ trách các hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các thành viên. Nhắc nhở đối với thành viên thực hiện không đúng tiến độ, thực hiện chưa tốt công việc được giao.

- Tăng cường dự giờ thăm lớp đối với giáo viên (dự giờ có báo trước và dự giờ đột xuất) 1 lần/giáo viên/ kỳ

- Tổ chức trao đổi chuyên môn trong tổ để giáo viên nắm được kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra dựa trên ma trận đề, đáp ứng các yêu cầu của Chuẩn kiến thức, kỹ năng và biết sử dụng các phần mềm đảo đề trắc nghiệm để lập ngân hàng câu hỏi kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ.

3. Đối với giáo viên bộ môn

- Nhiệt tình tham gia đầy đủ các hoạt động của tổ, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được phân công.

- Tham mưu cho tổ những cách tổ chức các hoạt động có hiệu quả.

- Nâng cao tinh thần tự bồi dưỡng thường xuyên, phát huy tinh thần trách nhiệm trong phong trào Giáo viên giúp đỡ đồng nghiệp phát triển.

- Giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn phương pháp tự học cho học sinh đảm bảo học sinh có tiến bộ và tham gia hội thảo cấp lớp, khối và trường khi được phân công.

4. Đối với giáo viên chủ nhiệm lớp

- Tuyên truyền về khung chương trình phát triển bộ môn theo các nhóm lớp

khác nhau. Động viên học sinh tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường theo kế hoạch.

- Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, nghiên cứu bài học, hoạt động tập thể có hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường năm 2025-2026 của trường THPT Chi Lăng, trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc và các vấn đề phát sinh, nhà trường sẽ tiếp tục có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Lạng Sơn (BC);
- BGH (Chỉ đạo, tổ chức TH);
- TTCM (Chỉ đạo, thực hiện);
- GVCN (phối hợp);
- Lưu.

CHỦ TỊCH HĐQT TRƯỜNG



Hoàng Mạnh Hùng

XÁC NHẬN CỦA SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Ngày/...../2025